

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2017**

---

Tháng 08 năm 2017





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 29

03/02  
TRÁ  
KIẾ  
C. C.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên
Ông Yoshiro Komiyama	Ủy viên
Ông Phạm Quang Chất	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quảng	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Nguyễn Tấn Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 08 năm 2017



Số: 1108 /2017/BCSX-KTV/HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội**



**LÊ THẾ THANH – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2014-037-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>427.397.669.380</b>	<b>417.184.111.805</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.471.359.435</b>	<b>57.939.954.148</b>
1. Tiền	111		40.471.359.435	57.939.954.148
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>351.212.183.488</b>	<b>308.365.327.202</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	57.527.330.774	152.918.689.376
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	104.551.735.363	96.820.876.155
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	48.000.000.000	52.550.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	142.479.808.243	7.370.233.843
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.346.690.892)	(1.294.472.172)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>29.672.499.477</b>	<b>43.597.886.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.672.499.477	43.597.886.760
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.041.626.980</b>	<b>7.280.943.695</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	152.764.411	383.275.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.888.862.569	6.897.668.454
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>667.379.768.136</b>	<b>704.279.712.255</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.537.600</b>	<b>30.036.537.600</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	36.537.600	30.036.537.600
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>417.535.120.840</b>	<b>426.453.407.575</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	238.432.679.648	247.051.775.985
- Nguyên giá	222		255.618.695.629	254.802.297.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.186.015.981)	(7.750.521.462)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	179.102.441.192	179.401.631.590
- Nguyên giá	228		180.000.000.000	180.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(897.558.808)	(598.368.410)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>100.779.212.323</b>	<b>98.575.967.299</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	100.779.212.323	98.575.967.299
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>147.966.137.787</b>	<b>147.876.032.896</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.966.137.787	147.876.032.896
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.062.759.586</b>	<b>1.337.766.885</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.062.759.586	1.337.766.885
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.094.777.437.516</b>	<b>1.121.463.824.060</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>255.737.837.219</b>	<b>274.783.998.786</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>177.071.067.552</b>	<b>184.834.706.586</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	46.730.131.288	49.513.669.392
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.781.475.953	22.388.582.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.854.237.361	2.870.799.158
4. Phải trả người lao động	314		298.550.670	211.600.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.222.056.894	2.943.274.306
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	45.866.110.098	29.644.058.337
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	67.318.505.288	77.262.723.157
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.666.769.667</b>	<b>89.949.292.200</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	78.666.769.667	89.949.292.200
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>839.039.600.297</b>	<b>846.679.825.274</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>839.039.600.297</b>	<b>846.679.825.274</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	128.652.856.802	93.172.354.711
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.172.354.711	28.748.747.959
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.480.502.091	64.423.606.752
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.386.743.495	93.507.470.563
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.094.777.437.516</b>	<b>1.121.463.824.060</b>



**Nguyễn Tấn Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Nguyễn Huy Quảng**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thương**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>363.524.823.951</b>	<b>376.231.117.125</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>363.524.823.951</b>	<b>376.231.117.125</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	352.887.934.089	338.242.727.445
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.636.889.862</b>	<b>37.988.389.680</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.980.268.362	7.555.917.868
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.428.113.855	3.102.531.272
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.416.700.339</i>	<i>3.102.531.272</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết			90.104.891	511.224.867
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	769.815.287	543.927.034
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.675.241.065	1.962.219.410
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>48.834.092.908</b>	<b>40.446.854.699</b>
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.425.907.430	17.574.377
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.425.907.430)</b>	<b>(17.574.377)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>47.408.185.478</b>	<b>40.429.280.322</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	10.019.141.334	1.566.600.911
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>37.389.044.144</b>	<b>38.862.679.411</b>
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		36.470.128.492	37.805.238.760
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		918.915.652	1.057.440.651
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	553	573



**Nguyễn Tấn Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 08 năm 2017

*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Huy Quảng**  
**Kế toán trưởng**

*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Thị Thương**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>47.408.185.478</b>	<b>40.429.280.322</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.734.684.917	1.424.459.784
- Các khoản dự phòng	03		52.218.720	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.686.900	(3.255.000)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.057.665.613)	(2.663.887.735)
- Chi phí lãi vay	06		5.416.700.339	3.102.531.272
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.558.810.741</b>	<b>42.289.128.643</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91.247.358.527)	(272.861.229.360)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.925.387.283	11.216.966.271
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		45.148.488.409	258.212.843.931
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		505.518.129	174.259.052
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.551.726.632)	(3.081.620.693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(832.921.787)	(94.825.703)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(22.493.802.384)</b>	<b>35.855.522.141</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.449.482.331)	(72.109.834.950)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.550.000.000	16.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		41.260.135.259	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.655.629.385	3.617.207
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>16.016.282.313</b>	<b>(56.106.217.743)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ Sở hữu	31		240.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		50.086.454.500	208.140.379.238
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(61.313.194.902)	(170.538.414.811)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.986.740.402)</b>	<b>37.601.964.427</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(17.464.260.473)</b>	<b>17.351.268.825</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>57.939.954.148</b>	<b>18.745.232.260</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.334.240)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>40.471.359.435</b>	<b>36.096.501.085</b>



**Nguyễn Tấn Đạt**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Nguyễn Huy Quảng**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thương**  
 Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 số 0105806767 ngày 23 tháng 06 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.

**Hoạt động chính của Công ty là:**

Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn gạo; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Và các ngành nghề kinh doanh khác...

**2. Công ty con được hợp nhất*****Công ty Cổ phần BWG Mai Châu***

- \* Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95,60%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95,60%

***Công ty TNHH BWG Điện Biên***

- \* Địa chỉ: Bản Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 75,5%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 75,5%

***Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình***

- \* Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 95%

***Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Sky Life Farms***

- \* Địa chỉ: Số 5b, ngõ 55 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 97,55%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 97,55%

***Công ty Cổ phần BWG Technologies***

- \* Địa chỉ: Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 99,50%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 99,50%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3. Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất**

***Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona***

\* Địa chỉ: Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 30/06/2017: 49%

\* Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 30/06/2017: 49%

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**3. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa Vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Trang thiết bị dụng cụ quản lý	07 - 10



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN****5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

**Khấu hao**

Công ty không trích khấu hao đối với Quyền sử dụng lâu dài.

Đối với tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng còn lại của Quyền sử dụng đất.

**6. Các khoản đầu tư tài chính****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN****7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

**12. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Tiền mặt	16.357.396.657	26.999.646.711
- Tiền gửi ngân hàng	24.113.962.778	30.940.307.437
<b>Cộng</b>	<b><u>40.471.359.435</u></b>	<b><u>57.939.954.148</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty CP Vật tư và XNK Hoá Chất	25.400.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Đô thị Hòa Phú	5.484.961.853	-
- Công ty TNHH Toàn Phát HB	-	342.762.500
- Công ty CP Xây dựng và Công nghệ Vĩnh Tường	924.850.000	530.650.000
- Công ty TNHH TM và XNK Phương Chi	-	35.200.000.000
- Công ty TNHH Kinh Doanh TM và DV Việt Nhật	-	15.035.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất ĐT và TM Tường Minh	16.699.598.500	14.232.587.500
- Công ty CP Skylife Mai Châu	-	59.370.358.060
- Công ty CP ĐT và DV Công nghiệp Thái Nguyên	19.910.000	17.619.910.000
- Các khách hàng khác	8.998.010.421	10.587.421.316
<b>Cộng</b>	<b><u>57.527.330.774</u></b>	<b><u>152.918.689.376</u></b>

*Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan:*

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty CP Sky life Mai Châu	-	59.370.358.060

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH MTV Tre Mai Châu	17.578.824.456	27.078.824.456
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	25.927.283.000	25.927.283.000
- Công ty CP Truyền thông ABT	38.179.190.000	38.179.190.000
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Hòa Bình	20.200.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.666.437.907	5.635.578.699
<b>Cộng</b>	<b><u>104.551.735.363</u></b>	<b><u>96.820.876.155</u></b>

*Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan:*

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	25.927.283.000	25.927.283.000

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Cho vay cá nhân (*)	48.000.000.000	52.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>48.000.000.000</u></b>	<b><u>52.550.000.000</u></b>

(\*) Các khoản cho vay cá nhân theo các Hợp đồng vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Phải thu khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>142.479.808.243</b>	-	<b>7.370.233.843</b>	-
- Tạm ứng	-	-	7.000.000.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	1.532.334.488	-	370.233.843	-
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	63.063.000.000	-	-	-
- Phải thu về cổ tức	77.884.473.755	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>36.537.600</b>	-	<b>30.036.537.600</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	36.537.600	-	36.537.600	-
- Công ty CP Liên minh Tây Bắc	-	-	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>142.516.345.843</b>	-	<b>37.406.771.443</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.744.647.942	-	9.016.890.573	-
- Công cụ, dụng cụ	322.554.657	-	154.739.638	-
- Chi phí SX, KD DD	10.759.381.800	-	6.318.422.237	-
- Thành phẩm	7.192.395.314	-	5.939.146.277	-
- Hàng hóa	1.653.519.764	-	22.168.688.035	-
<b>Cộng</b>	<b>29.672.499.477</b>	-	<b>43.597.886.760</b>	-

**7. Chi phí trả trước**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>152.764.411</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.177.257	52.161.770
- Các khoản khác	151.587.154	331.113.471
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.062.759.586</b>	<b>1.337.766.885</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	445.061.963	536.407.738
- Chi phí thuê đất	55.833.337	139.583.337
- Các khoản khác	561.864.286	661.775.810
<b>Cộng</b>	<b>1.215.523.997</b>	<b>1.721.042.126</b>

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Dự án Nhà máy Sản xuất Tre và Gỗ ghép thanh tại Điện Biên (1)	6.330.861.068	6.330.861.068
- Dự án Nhà máy Sản xuất Ván dăm Tre gỗ Công nghiệp tại Hòa Bình (2)	57.448.351.255	55.245.106.231
- Dự án Kho Bảo quản các Sản phẩm từ Chăn nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Hòa Bình (3)	37.000.000.000	37.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.779.212.323</b>	<b>98.575.967.299</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

(1) Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất tại Dự án Nhà máy sản xuất Tre và gỗ ghép thanh của Công ty TNHH BWG Điện Biên tại Bản Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000049 cấp ngày 08/7/2011, và các Quyết định điều chỉnh. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là 290 tỷ VND, với quy mô công suất tre ghép thanh công nghiệp 95.000 m<sup>3</sup>/năm; gỗ ghép thanh 5.000 m<sup>3</sup>/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 1.454 tỷ VND/năm.

(2) Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị tại Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm tre gỗ Công nghiệp (tre kết hợp với gỗ) của Công ty Cổ phần Việt Nga Hoà Bình tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình với quy mô tổng Vốn đầu tư là 105 tỷ VND, công suất sản xuất ván dăm tre gỗ công nghiệp 35.000 m<sup>3</sup>/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 120 tỷ VND/năm.

(3) Chi phí mua Quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Kho bảo quản các sản phẩm từ Chăn nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Đồng Gội, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Phát triển Công nghệ Sky life Farms.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	65.514.421.268	182.819.528.064	2.719.303.450	3.749.044.665	254.802.297.447
- Mua trong kỳ	-	130.000.000	686.398.182	-	816.398.182
- Phân loại lại	-	2.123.704.294	1.625.340.371	(3.749.044.665)	-
Số dư cuối kỳ	65.514.421.268	185.073.232.358	5.031.042.003	-	255.618.695.629
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	351.890.363	7.187.505.701	177.084.048	34.041.350	7.750.521.462
- Khấu hao trong kỳ	2.111.342.180	7.100.856.785	223.295.554	-	9.435.494.519
- Phân loại lại	-	20.121.840	13.919.510	(34.041.350)	-
Số dư cuối kỳ	2.463.232.543	14.308.484.326	414.299.112	-	17.186.015.981
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	65.162.530.905	175.632.022.363	2.542.219.402	3.715.003.315	247.051.775.985
Tại ngày cuối kỳ	63.051.188.725	170.764.748.032	4.616.742.891	-	238.432.679.648

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng là: 230.146.225.374 VND.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	180.000.000.000	180.000.000.000
Số dư cuối kỳ	180.000.000.000	180.000.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	598.368.410	598.368.410
- Khấu hao trong kỳ	299.190.398	299.190.398
Số dư cuối kỳ	897.558.808	897.558.808
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	179.401.631.590	179.401.631.590
Tại ngày cuối kỳ	179.102.441.192	179.102.441.192

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng là: 89.821.793.806 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	147.000.000.000	-	147.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	147.000.000.000	-	147.000.000.000	-
* Lãi Công ty liên kết	966.137.787	-	876.032.896	-
<b>Cộng</b>	<b>147.966.137.787</b>	<b>-</b>	<b>147.876.032.896</b>	<b>-</b>

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona chưa thực hiện niêm yết nên Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn lập dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị...



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**12. Vay và nợ thuế tài chính**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Hợp Nhất		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	67.318.505.288	67.318.505.288	61.368.977.033	61.313.194.902	-	10.000.000.000	77.262.723.157	77.262.723.157
* Vay ngắn hạn ngân hàng	41.057.455.000	41.057.455.000	49.396.454.500	53.938.999.500	-	10.000.000.000	55.600.000.000	55.600.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Chương Mỹ	-	-	600.000.000	1.200.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (1)	39.307.455.000	39.307.455.000	37.046.454.500	37.738.999.500	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (2)	1.750.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
* Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	26.261.050.288	26.261.050.288	11.972.522.533	7.374.195.402	-	-	21.662.723.157	21.662.723.157
- Ngân hàng TMCP VPBank Chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê (3)	412.496.000	412.496.000	206.250.000	206.250.000	-	-	412.496.000	412.496.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (4)	18.143.846.288	18.143.846.288	7.864.634.533	7.167.945.402	-	-	17.447.157.157	17.447.157.157
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (5)	7.606.140.000	7.606.140.000	3.803.070.000	-	-	-	3.803.070.000	3.803.070.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (6)	98.568.000	98.568.000	98.568.000	-	-	-	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	78.666.769.667	78.666.769.667	690.000.000	11.972.522.533	-	-	89.949.292.200	89.949.292.200
- Ngân hàng TMCP VPBank Chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê (3)	721.465.000	721.465.000	-	206.250.000	-	-	927.715.000	927.715.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (4)	39.323.172.667	39.323.172.667	-	7.864.634.533	-	-	47.187.807.200	47.187.807.200
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (5)	38.030.700.000	38.030.700.000	-	3.803.070.000	-	-	41.833.770.000	41.833.770.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (6)	591.432.000	591.432.000	690.000.000	98.568.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>145.985.274.955</b>	<b>145.985.274.955</b>	<b>62.058.977.033</b>	<b>73.285.717.435</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>167.212.015.357</b>	<b>167.212.015.357</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 30/06/2017:**

- (1) Công ty CP BWG Mai Châu vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu - Hòa Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3004 - LAV - 201602233 ngày 15/09/2016; Số tiền 40.000.000.000 VND, thời hạn vay dưới 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho chi phí sản xuất tre ép tấm và các sản phẩm từ tre. Tài sản đảm bảo là: máy móc thiết bị.
- (2) Công ty CP Việt Nga Hòa Bình vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng vay tín dụng 01-2016/HĐTĐ/VNHB ngày 27/04/2016, Số tiền hạn mức vay: 24.000.000.000 VND, thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng) thời gian vay tối đa không quá 4 tháng đối với từng khoản vay trên kế ước nhận nợ, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh cốppha tre, gỗ, Block gạch. Tài sản đảm bảo là tài sản bên thứ 3 và tài sản hình thành trong tương lai của Công ty.
- (3) Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương vay Ngân hàng TMCP VPBank chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê theo Các hợp đồng sau:
  - + Hợp đồng tín dụng số 161215-2477946-01-SME ngày 22/12/2015; Số tiền vay: 720.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay năm đầu tiên là 7,5%/năm, sau đó được điều chỉnh. Mục đích vay: mua ô tô Huyndai Tucson. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Huyndai Tucson biển kiểm soát 30A-86073;
  - + Hợp đồng tín dụng số 020216-2477946-01-SME ngày 04/02/2016; Số tiền vay: 430.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay năm đầu tiên là 7,5%/năm, sau đó được điều chỉnh. Mục đích vay: Tài trợ thanh toán một phần tiền xe ô tô FORD RANGER NEW XL. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô FORD RANGER biển kiểm soát 29C-705.85;
  - + Hợp đồng tín dụng số 280916-2477946-01-SME ngày 29/09/2016; Số tiền vay: 500.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay năm đầu tiên là 7,5%/năm, sau đó được điều chỉnh. Mục đích vay: Tài trợ thanh toán một phần tiền xe ô tô Mitsubishi Triton GLS AT. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Mitsubishi Triton GLS AT BKS 29C-734.85.
- (4) Công ty CP BWG Mai Châu vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTĐ-DH/BWG ngày 17/12/2014. Thời hạn vay: 72 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh. Mục đích vay: Đầu tư Xây dựng Nhà máy sản xuất Tre ép tấm. Tài sản đảm bảo là: Các tài sản hình thành trong tương lai, các nguồn thu phát sinh từ dự án, phurong an sử dụng vốn vay.
- (5) Công ty CP Việt Nga Hòa Bình vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng vay tín dụng 01-2016/HĐTĐ-DH/VNHB ngày 27/04/2016, Số tiền vay: 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay vốn: 84 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), lãi suất 10%/năm, mục đích vay: Xây dựng nhà máy sản xuất ván dăm công nghiệp. Tài sản đảm bảo là tài sản bên thứ 3, giá trị tài sản được hình thành trong tương lai của Công ty và Bên vay đồng ý dùng mọi nguồn thu phát sinh từ dự án, phurong an sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của bên vay tại ngân hàng.
- (6) Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029.01/2017/KUNN-DN/PGBankHN ngày 21 tháng 06 năm 2017 với hạn mức vay là 690.000.000 VND, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất vay 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích cho vay: thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Công ty sử dụng quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép - màu: Đen, nhãn hiệu Chevrolet có biển kiểm soát: 29C-76773.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Dong Xing Wei Nian Trade co.,Ltd	-	-	2.121.330.000	2.121.330.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu DN	25.398.176.000	25.398.176.000	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Phúc Tân	8.101.478.568	8.101.478.568	-	-
- Công ty CP Đầu tư Cao su QN	-	-	18.520.500.000	18.520.500.000
- Công ty CP LD Nông Lâm Sản Việt Lào	1.467.592.900	1.467.592.900	5.156.592.900	5.156.592.900
- Công ty TNHH TM Tổng Hợp Đại Bích	1.201.471.264	1.201.471.264	6.206.524.064	6.206.524.064
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	10.561.412.556	10.561.412.556	17.508.722.428	17.508.722.428
<b>Cộng</b>	<b>46.730.131.288</b>	<b>46.730.131.288</b>	<b>49.513.669.392</b>	<b>49.513.669.392</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Liên minh Tây Bắc	-	-	-	12.907.170.000
- Công ty CP Nông lâm sản Phương Bắc	-	-	-	6.001.677.030
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.781.475.953	2.781.475.953	2.781.475.953	3.479.735.183
<b>Cộng</b>	<b>2.781.475.953</b>	<b>2.781.475.953</b>	<b>2.781.475.953</b>	<b>22.388.582.213</b>

*Trong đó người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan:*

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona

800.000.000

Cuối kỳ

Đầu kỳ





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2017**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng do hợp nhất	Giảm do hợp nhất	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	44.251.670	34.864.586	70.858.623	-	-	8.257.633
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.149.191	11.149.191	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.804.419.618	10.019.141.334	832.921.787	-	144.659.437	11.845.979.728
- Các loại thuế khác	-	27.000.000	27.000.000	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.127.870	152.361.612	174.489.482	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.870.799.158</b>	<b>10.244.516.723</b>	<b>1.116.419.083</b>	<b>-</b>	<b>144.659.437</b>	<b>11.854.237.361</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	2.222.056.894	2.793.274.306
- Các khoản trích trước khác	-	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.222.056.894</u></b>	<b><u>2.943.274.306</u></b>

**17. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Bảo hiểm xã hội	70.110.098	49.725.000
- Phải trả tiền mua cổ phần	14.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.796.000.000	29.594.333.337
+ Lê Thị Hạnh	-	1.474.333.337
+ Vũ Thị Hương Quỳnh (*)	-	7.000.000.000
+ Bùi Công Đa (*)	12.220.000.000	12.220.000.000
+ Phùng Như Tuyển (*)	8.465.000.000	8.900.000.000
+ Phạm Văn Lịch (*)	8.100.000.000	-
+ Nguyễn Hữu Năm (*)	3.000.000.000	-
+ Phải trả phải nộp khác	11.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>45.866.110.098</u></b>	<b><u>29.644.058.337</u></b>

*Trong đó phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan:*

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
+ Vũ Thị Hương Quỳnh	-	7.000.000.000
+ Phùng Như Tuyển	8.465.000.000	8.900.000.000

(\*) Các khoản vay tiền cá nhân để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Số dư đầu năm	660.000.000.000	28.748.747.959	688.748.747.959
- Lãi trong năm	-	64.423.606.752	64.423.606.752
Số dư cuối năm	660.000.000.000	93.172.354.711	753.172.354.711
<b>KỲ NÀY</b>			
Số dư đầu kỳ	660.000.000.000	93.172.354.711	753.172.354.711
- Lãi trong kỳ	-	36.470.128.492	36.470.128.492
- Giảm khác	-	(989.626.401)	(989.626.401)
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	128.652.856.802	788.652.856.802



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**18.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	660.000.000.000	660.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**18.3. Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ Cổ phiếu</u>	<u>Đầu kỳ Cổ phiếu</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>66.000.000</b>	<b>66.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>66.000.000</b>	<b>66.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>66.000.000</b>	<b>66.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>363.524.823.951</b>	<b>376.231.117.125</b>
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	355.798.839.365	373.549.236.715
- Doanh thu hoạt động xây lắp	7.725.984.586	2.681.880.410
<b>Các khoản giảm trừ</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>363.524.823.951</b>	<b>376.231.117.125</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
- Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	345.593.167.209	335.672.727.445
- Giá vốn hoạt động xây lắp	7.294.766.880	2.570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>352.887.934.089</b>	<b>338.242.727.445</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.817.730.030	2.152.662.868
- Lãi chênh lệch tỷ giá	12.707.640	3.255.000
- Lãi đầu tư cổ phiếu	-	5.400.000.000
- Lãi từ chuyển nhượng vốn	43.149.830.692	-
<b>Cộng</b>	<b>46.980.268.362</b>	<b>7.555.917.868</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Lãi tiền vay	5.416.700.339	3.102.531.272
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.413.516	-
<b>Cộng</b>	<b>5.428.113.855</b>	<b>3.102.531.272</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.986.340	-
- Chi phí nhân viên bán hàng	345.236.454	474.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.839.569	11.701.063
- Chi phí khác bằng tiền	68.752.924	58.225.971
<b>Cộng</b>	<b>769.815.287</b>	<b>543.927.034</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.357.937	210.063.638
- Chi phí nhân viên quản lý	1.512.672.126	1.264.963.277
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.076.995	70.511.232
- Chi phí dự phòng	52.218.720	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.033.004	63.014.604
- Chi phí khác bằng tiền	339.882.283	353.666.659
<b>Cộng</b>	<b>2.675.241.065</b>	<b>1.962.219.410</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Chi phí khác	1.425.907.430	17.574.377
<b>Cộng</b>	<b>1.425.907.430</b>	<b>17.574.377</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	325.415.467	1.218.993.707
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty con	9.693.725.867	347.607.204
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>10.019.141.334</u></b>	<b><u>1.566.600.911</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
- Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.470.128.492	37.805.238.760
- Các khoản điều chỉnh: (*)	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.470.128.492	37.805.238.760
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	66.000.000	66.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>553</u></b>	<b><u>573</u></b>

(\*) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.157.435.183	8.093.020.416
- Chi phí nhân công	2.562.526.856	2.303.263.277
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.734.684.917	1.424.459.784
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.434.894.733	2.644.715.667
- Chi phí khác	455.914.027	411.892.630
<b>Cộng</b>	<b><u>22.345.455.716</u></b>	<b><u>14.877.351.774</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**Mối quan hệ của các bên liên quan trong kỳ:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Cổ đông của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương
- Ông Trần Đức Tân	Cổ đông của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương
- Ông Phùng Như Tuyển	Giám đốc Công ty CP Việt Nga Hòa Bình là Công ty con
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương
- Công ty CP Sky life Mai Châu	Ông Nguyễn Huy Quảng là Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng và là cổ đông góp vốn của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương đồng thời là Giám đốc Công ty CP Sky life Mai Châu

**Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
- Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Công ty CP Việt Nga Hòa Bình trả tiền	7.000.000.000
- Ông Phùng Như Tuyển	Công ty CP Việt Nga Hòa Bình vay tiền	6.425.000.000
- Ông Phùng Như Tuyển	Công ty CP Việt Nga Hòa Bình trả tiền	6.860.000.000
- Công ty CP Sky life Mai Châu	Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương mua hàng hóa	815.450.000
- Công ty CP Sky life Mai Châu	Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương thanh toán tiền mua hàng	600.000.000

**Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2017:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
- Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Phải trả khác	-	7.000.000.000
- Ông Phùng Như Tuyển	Phải trả khác	8.465.000.000	8.900.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Trả trước cho người bán	25.927.283.000	25.927.283.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	800.000.000	800.000.000
- Công ty CP Sky life Mai Châu	Phải thu khách hàng	-	59.370.358.060
- Công ty CP Sky life Mai Châu	Phải trả người bán	215.450.000	-

**Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	238.830.000	129.450.000
<b>Cộng</b>	<b>238.830.000</b>	<b>129.450.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**2. Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ, Công ty và các Công ty con hoạt động chủ yếu là buôn bán kinh doanh thương mại các mặt hàng Phân bón như Ure, các mặt hàng nông sản, sản xuất các mặt hàng sản phẩm được chế biến từ Tre & gỗ như Cốp pha, Pallet, các mặt hàng khác và hoạt động chủ yếu tại khu vực Miền Bắc.

Do đó Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. *Chi tiết xem tại phụ lục số 1 – Trang 29.*

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.359.435	57.939.954.148
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.696.985.725	159.030.988.647
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	48.000.000.000	52.550.000.000
- Đầu tư dài hạn	147.966.137.787	177.876.032.896
	<b>435.134.482.947</b>	<b>447.396.975.691</b>
<b>Cộng</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
- Các khoản vay	145.985.274.955	167.212.015.357
- Phải trả người bán và phải trả khác	92.596.241.386	79.157.727.729
- Chi phí phải trả	2.222.056.894	2.943.274.306
	<b>240.803.573.235</b>	<b>249.313.017.392</b>
<b>Cộng</b>		

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<b>Khoản mục</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
- Các khoản vay	67.318.505.288	78.666.769.667	145.985.274.955
- Phải trả người bán và phải trả khác	92.596.241.386	-	92.596.241.386
- Chi phí phải trả	2.222.056.894	-	2.222.056.894
<b>Cộng</b>	<b>162.136.803.568</b>	<b>78.666.769.667</b>	<b>240.803.573.235</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
- Các khoản vay	77.262.723.157	89.949.292.200	167.212.015.357
- Phải trả người bán và phải trả khác	79.157.727.729	-	79.157.727.729
- Chi phí phải trả	2.943.274.306	-	2.943.274.306
<b>Cộng</b>	<b>159.363.725.192</b>	<b>89.949.292.200</b>	<b>249.313.017.392</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.359.435	-	40.471.359.435
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.660.448.125	36.537.600	198.696.985.725
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	48.000.000.000	-	48.000.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	147.966.137.787	147.966.137.787
<b>Cộng</b>	<b>287.131.807.560</b>	<b>148.002.675.387</b>	<b>435.134.482.947</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	57.939.954.148	-	57.939.954.148
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.994.451.047	36.537.600	159.030.988.647
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	52.550.000.000	-	52.550.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	177.876.032.896	177.876.032.896
<b>Cộng</b>	<b>269.484.405.195</b>	<b>177.912.570.496</b>	<b>447.396.975.691</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**4. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 30/06/2017.

**5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào cần trình bày sau ngày kết thúc kỳ kế toán 30/06/2017.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty chưa được soát xét cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.



**Nguyễn Tấn Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Nguyễn Huy Quảng**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thương**  
**Người lập biểu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Phụ lục 1: BÁO CÁO BỘ PHẬN**

	Phân bón (Ure)	Nông Sản (Ngô, Sản lát,...)	Cốp pha, Pallet (các sản phẩm Tre, gỗ)	Các mặt hàng khác	Loại trừ	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	280.550.000.000	53.285.512.134	14.610.443.341	15.793.168.476	(714.300.000)	363.524.823.951
- Giá vốn hàng bán	280.507.900.000	46.103.405.205	11.961.862.004	15.029.066.880	(714.300.000)	352.887.934.089
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	42.100.000	7.182.106.929	2.648.581.337	764.101.596	-	10.636.889.862
- Chi phí không phân bổ						3.445.056.352
- Doanh thu tài chính						46.980.268.362
- Chi phí tài chính						5.428.113.855
- Thu nhập khác						-
- Chi phí khác						1.425.907.430
- Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh						90.104.891
- Lợi nhuận kế toán trước thuế						47.408.185.478
- Chi phí thuế						10.019.141.334
- Lợi nhuận sau thuế						37.389.044.144
<b>TÀI SẢN</b>						
- Tài sản bộ phận	25.434.500.000	16.750.260.750	266.632.415.128	17.476.626.954	-	326.293.802.832
- Tài sản không phân bổ						768.483.634.684
- Tổng tài sản						1.094.777.437.516
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
- Nợ phải trả bộ phận	25.398.176.000	2.683.042.900	2.320.422.474	20.643.727.381	-	51.045.368.755
- Nợ phải trả không phân bổ						204.692.468.464
- Tổng nợ phải trả						255.737.837.219